

959.775
ĐC CH 305 KH

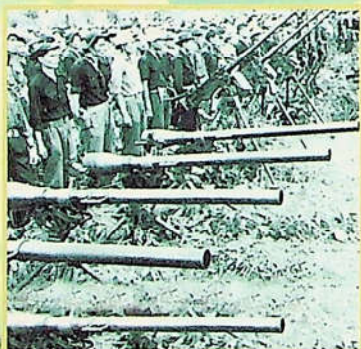
CHIẾN KHU Đ



CHIẾN KHU Đ

55 NĂM

CHIẾN ĐẤU & XÂY DỰNG



NHÀ XUẤT SẢN ĐÔNG NAI - NHÀ BẢO TÀNG ĐÔNG NAI
HỒI NHÀ BẢO - BẢO ĐÔNG NAI

153 204
512/011

CHIẾN KHU Đ

55 NĂM

CHIẾN ĐẤU

XÂY DỰNG

XBP/2002/VL/5109

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT

Handwritten signature

**NHA XUẤT BẢN ĐÔNG NAI - NHA BẢO TANG ĐÔNG NAI
- HỘI NHA BẢO - BẢO ĐÔNG NAI**

MIỀN ĐÔNG GIANG LAO MA ANH DŨNG

Ban chỉ đạo:

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

Biên soạn:

Dương Thanh Tân, Mai Sông Bé, Trần Quang Toại

Trình bày:

Hồ Văn Giáo

Ảnh của các tác giả:

Phan Dấu, Huỳnh Thái, Trung Tiến,

Tôn Hoàn, Hoàn Vũ, Gia Minh

Huy Thanh, Lê Dũng, Nguyễn Đức Tường

Hoàng Công Hùng, Trần Doãn Trị,

Nguyễn Hồng Ân, Nguyễn Hữu Lộc,

Viết Thảo, Hữu Cường, Kim Loan, Mạnh Thường

Ngoài ra còn sử dụng ảnh tư liệu của TTXVN và

Nhà bảo tàng Đồng Nai.

Lời giới thiệu

Ăn cứ địa chiến khu Đ với nhân dân cả nước nói chung, nhân dân miền Đông Nam bộ nói riêng đã trở thành một địa danh lịch sử hào hùng đáng tự hào và trân trọng trong tiến trình đấu tranh giành độc lập, thống nhất Tổ quốc của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh.

Thực dân Pháp, đế quốc Mỹ trước một chiến khu Đ kiên cường bất khuất đã phải khiếp sợ thú nhận "chiến khu Đ còn Sài Gòn mất". Điều đó nói lên vai trò, vị trí chiến lược của địa bàn căn cứ này, nơi chỉ cách Sài Gòn, một thời là thủ đô của ngụy quyền tay sai ở miền Nam chỉ hơn 30km theo đường chim bay. Căn cứ địa chiến khu Đ, một thời in dấu chân những người con Việt Nam kiên cường từ Nam chí Bắc tụ hội về đây chung lòng chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng non sông, nơi xuất phát những chiến công tiêu biểu của quân dân miền Đông để làm nên truyền thống "Miền Đông gian lao mà anh dũng": La Ngà, cầu Bà Kiên, chiến dịch Bến Cát, Phước Thành, Tua Hai, sân bay Biên Hòa, Bình Giã, Đồng Xoài, Lộc Ninh, Phước Long, Xuân Lộc và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Nhân kỷ niệm 55 năm ngày hình thành căn cứ địa chiến khu Đ, Ban chỉ đạo tổ chức lễ hội cho ra mắt tập sách ảnh "Chiến khu Đ 55 năm chiến đấu - xây dựng" với mong muốn khắc họa một phần chân dung những con người, những sự kiện, sinh hoạt lao động và chiến đấu, chiến thắng trên vùng đất kiên cường năm xưa, góp phần giáo dục truyền thống và lưu giữ những di sản văn hóa, cách mạng quý báu của quân dân miền Đông Nam bộ.

Tập sách được bố cục theo tiến trình lịch sử: Chiến khu Đ trước năm 1945; chiến khu Đ trong kháng chiến chống thực dân Pháp; chiến khu Đ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; chiến khu Đ trong xây dựng hòa bình.

Để thực hiện tập sách ảnh này, chúng tôi nhận được sự giúp đỡ và cộng tác của Nhà Bảo tàng các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, của Hội Nhà báo tỉnh Đồng Nai, Thông tấn xã Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh và nhiều cán bộ, chiến sĩ đã từng sống và chiến đấu trên chiến trường miền Đông Nam bộ qua hai thời kỳ kháng chiến.

Ban tổ chức lễ hội xin trân trọng giới thiệu quyển sách ảnh "Chiến khu Đ 55 năm chiến đấu - xây dựng" cùng bạn đọc xa gần và rất mong đón nhận những góp ý của các bạn.

Lê Hoàng Quân

Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai

CHIẾN KHU Đ

CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG KIÊN CƯỜNG CỦA CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM

NGUYỄN VĂN LINH

Cố vấn BCH TW Đảng, nguyên Tổng Bí thư
BCH TW Đảng Cộng sản Việt Nam

Việt Nam từ nhiều thế kỷ đã được liệt vào hàng ngũ tiến hành chiến tranh nhân dân để lấy lại chủ quyền và giữ nền độc lập quốc gia.

Theo tôi, Việt Nam ta từ những thế kỷ phải chống lại các bọn phong kiến xâm lược nước ngoài thì thường thường lúc ban đầu chẳng những không có vũ khí. Nhưng nhân dân, tuyệt đại đa số nhân dân yêu nước đã lần lượt nghe theo lãnh đạo để đứng lên giữ nước. Các nhà lãnh đạo từ các vua chúa cho đến các nhà cách mạng sau này để đi đến toàn thắng luôn luôn đều đứng về dân, đều vì nhân dân mà chiến đấu. Cán bộ, chiến sĩ chẳng những không tư hào tới cây kim sợi chỉ của dân, mà còn ra sức giúp dân tăng gia sản xuất, ngày đêm chăm lo đời sống của dân. Chính vì thế mà các gia đình đều cho con em xung phong vào nghĩa quân, nuôi quân sống và tìm mọi cách để tạo nên vũ khí cho quân cách mạng, từ những vũ khí thô sơ, gậy gộc, dao búa. Lần lần một số con em còn chui vào hàng ngũ của địch và trốn ra mang theo vũ khí của chúng.

Chiến tranh nhân dân Việt Nam chủ yếu là chiến tranh của dân, do dân và vì dân. Chiến tranh đi từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ lúc đầu không có đơn vị chiến đấu nào, sau thành lập lần được các đơn vị chiến đấu từ nhỏ, vừa đến lớn. Các vị tướng tá cũng lần lần xuất hiện, học tập, rèn luyện trong chiến đấu. Nay nếu giở lịch sử ra tra cứu sẽ thấy rất nhiều vị tướng tài, có tên tuổi đều xuất hiện như vậy.

Ở nước ta, qua nhiều thời kỳ, không phải chỉ có các vị võ tướng mới đánh giặc mà ngay nhiều cán bộ lãnh đạo chung cũng đánh giặc, có nhiều lần, nhiều vị thực tế đã làm việc ấy mà sử sách cũng đã ghi lại.

* * *

Chiến tranh nhân dân Việt Nam có những nội dung đặc biệt của nó. Ta xét thời kỳ Lê Lợi, Nguyễn Trãi hay sau này thời kỳ Hồ Chí Minh thì phải thấy rằng những đặc điểm đó chưa có một tài liệu, văn kiện lịch sử nào viết rõ (hay hoặc đã có mà tôi chưa được đọc).

Thực tiễn hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cho thấy chiến tranh nhân dân ở Việt Nam không giống chiến tranh vệ quốc của Liên Xô có các giai đoạn: phòng ngự, cầm cự rồi tổng phản công. Cũng không giống chiến tranh nhân dân của Trung Quốc lấy nông thôn bao vây thành thị tiến lên giải phóng thành thị.

Chiến tranh nhân dân Việt Nam là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện đánh địch ở cả ba vùng chiến lược, bằng ba mũi giáp công, bằng lực lượng ba thứ quân. Ở Việt Nam, cách mạng luôn thể hiện tinh thần tiến công bằng mọi hình thức hợp pháp, bán hợp pháp và bất hợp pháp, tiến công từ nhỏ đến lớn, giành thắng lợi hoàn toàn. Ngay ở vùng địch tạm chiếm đóng, ta vẫn tiến công địch sử dụng các hình thức công khai hợp pháp để giành từng thắng lợi dù nhỏ cho cách mạng, kết hợp từng lúc một có những hoạt động vũ trang phá hoại kho tàng địch hay diệt ác, trừ gian trong lòng địch, làm địch rúng động, lo sợ, gây niềm tin trong đồng bào.

Để tạo thế tiến công cho cách mạng, vai trò của căn cứ địa được Đảng ta đặc biệt quan tâm.

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến Nam bộ trong chỉ thị của Trung ương Đảng 25-12-1945, việc xây dựng căn cứ địa đã được đặt ra: "Phải chọn đóng ở những địa điểm chiến lược lợi hại: tiến có thể đánh, lùi có thể giữ... Kế hoạch tiến công cũng như kế hoạch rút lui phải hết sức chu đáo (phòng đủ mọi mặt: địa điểm, cán bộ, lương thực, thuốc men, quần áo, vũ khí, vật liệu, cơ kiện v.v...)".

Sau đó, trong nhiều văn kiện và chỉ thị khác, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2/1951) đã nêu rõ: Công tác xây dựng căn cứ địa là "một vấn đề chiến lược quan trọng ngang hàng với vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang, không thể tách rời vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang. Vì không xây dựng căn cứ địa tức là không tích cực bồi dưỡng nguồn nhân lực, vật lực cần thiết cho việc xây dựng và phát triển quân đội".

Chấp hành nghiêm chỉnh tư tưởng chỉ đạo của Trung ương, ở chiến trường Nam bộ, chiến khu Đ đã được hình thành, củng cố và phát triển qua các giai đoạn của cách mạng miền Nam.

Từ là căn cứ đầu tiên của tỉnh Biên Hòa được xây dựng vào tháng 2-1946 sau hội nghị cán bộ quân sự ở Đào Lạc An (thuộc huyện Tân Uyên) chiến khu Đ lần lần được mở rộng bao trùm toàn bộ vùng rừng ngang đường 16 trải dọc lưu vực hữu ngạn sông Đồng Nai đổ về thượng nguồn giáp giới Sông Bé thành căn cứ địa không chỉ của tỉnh Biên Hòa mà cả của chiến khu 7 trong kháng chiến chống Pháp từ đầu 1947 đến cuối 1950.

Vừa sản xuất, vừa gây dựng cơ sở cách mạng trong các buôn sóc, trong đồng bào dân tộc, vừa đảm bảo nuôi dưỡng, bảo vệ cán bộ và cơ quan lãnh đạo, vừa chiến đấu, chiến khu Đ đã làm tròn nhiệm vụ giữ vững và mở rộng địa bàn của mình trở thành nơi dưỡng quân, huấn luyện, nâng cao chất lượng bộ đội và du kích, đáp ứng nhu cầu kháng chiến của miền Đông Nam bộ lúc bấy giờ. Chính hai đơn vị mạnh: Liên trung đoàn 301-310 và tiểu đoàn chủ lực 303 đã hình thành và phát triển ở đây.

Đến 5-1951, chiến khu Đ đã trở thành một trong những căn cứ địa của hệ thống căn cứ địa của cả Nam bộ gồm: chiến khu Đ, chiến khu Dương Minh Châu, chiến khu Đồng Tháp Mười và chiến khu U Minh.

Là một căn cứ chính của Nam bộ, chiến khu Đ, ngoài các nhiệm vụ chính của mình như trước đây, từ 1-5-1952 còn được Trung ương Cục miền Nam giao cho nhiệm vụ tiếp nhận hàng hóa của Trung ương do Liên khu V chuyển giao từ Bình Thuận vào chiến khu Đ để từ đó phân cho các đơn vị trên chiến trường. Tiểu đoàn 320 được thành lập làm nhiệm vụ nối trên đã giữ vững đường liên lạc giữa Nam bộ với Trung ương, đưa đón các đoàn cán bộ qua lại trên tuyến đường này.

Suốt thời gian từ 1951 đến khi ký kết hiệp định Genève, các đơn vị cơ quan ta tại chiến khu Đ, vượt qua muôn vàn khó khăn nào thiên tai (đặc biệt là cơn bão khốc liệt năm Nhân Thìn 1952), nào địch họa do càn quét, đánh phá bằng bom đạn, phá hoại kinh tế, gài do thám chỉ điểm, biệt kích v.v..., đã giữ vững căn cứ địa cách mạng, góp phần vào thắng lợi chung của quân dân cả nước đưa đến ký hiệp định Genève 1954.

Đến kháng chiến chống Mỹ, Trung ương Cục miền Nam được Trung ương giao nhiệm vụ lãnh đạo từ Khu 5 trở vào, Trung ương Cục đã chọn chiến khu Đ làm căn cứ đặt cơ quan lãnh đạo của Trung ương Cục.

Chiến khu Đ, trước tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng, đã mở rộng địa bàn, vượt ra khỏi phạm vi cũ trong kháng chiến chống Pháp, phát triển rộng về phía Đông và Đông Bắc giáp với biên giới Campuchia và biên giới Đak-Lắc Nam Tây Nguyên.

Chính nơi đây là một trong những nơi ra đời đầu tiên của các đơn vị vũ trang miền Đông và chủ lực Miền! Đường hành lang từ Trung ương theo đường Trường Sơn xuống Nam Tây Nguyên được nối thẳng với chiến khu Đ.

Sau này, do tình hình phát triển của cách mạng, Trung ương Cục và Quân ủy Miền không đóng ở chiến khu Đ nữa nhưng chiến khu vẫn là một căn cứ địa lớn của cách mạng miền Nam, đóng vai trò hậu phương tại chỗ của miền Đông, là bàn đạp để lực lượng ta tiến công vào các cơ quan đầu não, căn cứ quân sự, kho tàng, đường giao thông chiến lược của địch.

Chính chiến khu Đ là nơi tập kết triển khai các binh đoàn chủ lực trong trận quyết chiến chiến lược, giành thắng lợi hoàn toàn cho cách mạng nước ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Tôi bị bắt, bị đế quốc Pháp đày ra Côn Đảo lần thứ hai, mãi khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi, các đồng chí mới đem tàu thuyền ra chở về và lãnh đạo giao cho tôi làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, sau thêm cả tỉnh Gia Định.

Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định là một trong những trung tâm chính trị quân sự lớn của đế quốc Pháp. Chúng đứng vững ở đó, cố dập tắt phong trào cách mạng rồi lần lần đánh nóng ra các tỉnh chung quanh. Do đó, với tư cách là Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, tôi phải cùng với một số cán bộ (lúc đó chưa thành lập được Thành ủy) một mặt củng cố phát triển lực lượng cách mạng ở nội ngoại thành, lần lần thành lập các đơn vị vũ trang để kết hợp chặt chẽ với các chi đội (đang có khuynh hướng kéo về các tỉnh xa).

Tôi và một số đồng chí lãnh đạo phải đóng căn cứ ở chiến khu Đ, trong tay chúng tôi chỉ có một cây súng 6. Nhưng vì liên lạc chặt chẽ với các đồng chí Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Long An nên đứng vững được ở chung quanh thành, thành lập nhiều căn cứ cách mạng hòng đánh địch ở nông thôn, ngoại thành mà còn đánh địch ở nội thành bằng những đội đặc công biệt động. Có nhiều dịp phối hợp với các tỉnh chung quanh tấn công địch tới tấp thành một chiến dịch vừa rộng, vừa lớn đã làm địch tổn thương rất nhiều sĩ quan ngay trong nội thành.

Một vấn đề quan trọng nữa là thành phố phải bàn với các tỉnh chung quanh lập căn cứ địa vừa để có đất dưỡng quân vừa điều động các công nhân kỹ thuật lấy máy móc của địch trở ra lập các binh công xưởng để sửa vũ khí đã có bị hư, vừa nạp đạn đã dùng và có nơi công nhân còn có sáng kiến lập ra những cây súng tự tạo bắn ra cùng một lúc 3-4 quả lựu đạn xa đến hơn 100 thước

Sau này với cương vị mới được giao là Bí thư Xứ ủy Nam bộ và Bí thư Trung ương Cục miền Nam, trong công tác lãnh đạo của mình, tôi rất quan tâm chăm sóc, chỉ đạo củng cố và xây dựng vững chắc căn cứ địa cách mạng ở miền Nam trong đó chiến khu Đ là một căn cứ quan trọng.

Trong các bài học của chiến tranh nhân dân Việt Nam, việc xây dựng và củng cố hậu phương, căn cứ địa cách mạng chiếm một vị trí rất lớn.

Chiến khu Đ, với quá trình xây dựng, phát triển và chiến đấu suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đã lập được những chiến công vẻ vang, mãi mãi là niềm tự hào của Đảng bộ, Quân dân Việt Nam ta nói chung, Đảng bộ, Quân dân miền Nam nói riêng.

N.V.L

CHIẾN KHU Đ MỘT THỜI VÀ MÃI MÃI

Cuộc chiến tranh vệ quốc của dân tộc đã lùi xa, nhưng ký ức về một vùng đất thiêng liêng vẫn sống động trong tâm hồn những vị tướng năm xưa. Tại căn cứ chiến khu Đ hôm nay, "những người lính già đã kể chuyện Nguyên Phong"...

- **Cố vấn VÕ CHÍ CÔNG** (nguyên Chủ tịch nước): "TÔI ĐÃ SỐNG Ở ĐÂY 35 NĂM VỀ TRƯỚC..."

Chiến khu Đ là căn cứ quan trọng, nơi mà TW Cục miền Nam đóng và đã từng chiến đấu với quân thù nhiều trận oanh liệt. Tôi sống ở đây 35 năm về trước. Lúc bấy giờ, cuộc sống của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân vô cùng gian khổ, nhưng nhờ sự lãnh đạo của TW Đảng, Bác Hồ mà chúng ta đã vượt qua tất cả những khó khăn và ánh dương đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, thống nhất nước nhà. Chúng ta vô cùng thương tiếc những đồng chí, đồng bào đã hy sinh vì độc lập dân tộc, vì sự nghiệp cách mạng của Đảng. Chúng ta học tập những tấm gương oanh liệt đó để tiến lên xây dựng đất nước theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- **Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP** (nguyên Bộ trưởng Quốc phòng): "MẢNH ĐẤT THIÊNG LIÊNG RẠNG DANH THÀNH ĐỒNG TỔ QUỐC!"

Tôi vô cùng phấn khởi và cảm động đặt chân lên mảnh đất thiêng liêng của chiến khu Đ, một trong những chiến khu cùng với các chiến khu khác như: Củ Chi, Dương Minh Châu, Đồng Tháp Mười, U Minh... là tiêu biểu cho tinh thần không gì quý hơn độc lập, tự do; cho tinh thần chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng của đất "Thành đồng Tổ quốc" mà Hồ Chủ tịch đã tặng cho miền Nam.

Tôi muốn nói lại đây tất cả tấm lòng của Bác Hồ, của Thường vụ TW Đảng, Bộ Chính trị, Quân ủy TW và Bộ Tổng tư lệnh đối với cuộc chiến đấu Nam bộ nói chung và đối với các căn cứ địa cách mạng, trong đó có chiến khu Đ nói riêng. Có thể nói rằng ở đây, đồng bào và chiến sĩ trong điều kiện cực kỳ gian khổ đã chống lại âm mưu của địch lập nên những chiến công oanh liệt. Không những đây là nơi đã thành lập những đơn vị võ trang đầu tiên mà còn là nơi xuất phát tiến công giành thắng lợi to lớn với sự đùm bọc vô bờ bến của đồng bào chiến khu Đ và đồng bào các dân tộc ở gần đây. Và chúng tôi thấy, chiến khu Đ xứng đáng với danh hiệu là một trong những chiến khu quan trọng đưa lại thắng lợi trong cuộc chiến tranh 30 năm chống Pháp và Mỹ.

Nói đến chiến khu Đ thì chuyện muốn nói ra còn dài, nhưng vấn đề tiêu biểu là khi chọn chiến khu Đ làm căn cứ địa, tôi thấy là ở các đồng chí lãnh đạo kháng chiến miền Nam đã chọn một địa điểm đúng. Ở đây không những đã diễn ra những chiến công oanh liệt mà còn có những binh công xưởng, và đặc biệt trong điều kiện vô cùng khó khăn, đồng bào đã hết sức đùm bọc đồng chí chúng ta. Điều cực kỳ quan trọng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng là chọn làm sao một địa bàn giữ vững đường liên lạc ở giữa

CHIẾN KHU Đ 55 NĂM CHIẾN ĐẤU & XÂY DỰNG

MIỀN ĐÔNG GIÀN LAO MA ANH DŨNG

Nam bộ và Nam Trung bộ với Trung ương. Mỗi một lần có một đoàn từ quân Nam tiến cho đến các đoàn đại biểu ở trong Nam ra Bắc, hoặc từ ngoài Bắc vào Nam mà đi qua an toàn là Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí trong Bộ Chính trị, Bộ Tư lệnh và tôi hết sức vui mừng. Đặc biệt trong mùa Xuân đại thắng 1975, chính từ chiến khu Đ đã có những đơn vị xuất phát giành những thắng lợi to lớn ở Bù Đốp, Đồng Xoài và Phước Long là tính đầu tiên được giải phóng trong nước ta. Lúc đó Bộ Chính trị, Bộ Tổng tư lệnh đang họp đã quyết định ngay là mở cuộc tấn công vào Tây Nguyên. Sau khi chủ lực mạnh nhất của địch ở Huế, Đà Nẵng bị tiêu diệt dưới sự lãnh đạo của đồng chí Võ Chí Công và sự chỉ huy của đồng chí Chu Huy Mân thì cánh quân phía Đông do Đại tướng Lê Trọng Tấn chỉ đạo đi qua với một tốc độ thần tốc và đến Rừng Lá gặp các đơn vị Quân đoàn 4 và cùng với tướng Trần Văn Trà giải phóng Xuân Lộc, rồi Biên Hòa. Giải phóng Biên Hòa tức là mở cửa ngõ vào thành phố Sài Gòn. Chủ lực mạnh nhất và dự bị mạnh nhất của địch đều đã bị tiêu diệt... Vinh dự rất lớn cho chiến khu Đ là chỗ xuất phát của những đơn vị góp phần lập nên Tổng tiến công mùa Xuân đại thắng. Với khí thế như vậy, Bộ Chính trị theo dõi và từ kế hoạch 3 năm, rút xuống 1 năm, rồi rút xuống trước mùa mưa và giải phóng hoàn toàn không những chiến khu Đ miền Đông mà cả thành phố Hồ Chí Minh, làm nên chiến thắng vang dội, vĩ đại trọn vẹn.

- Đại tướng MAI CHÍ THO (nguyên Bộ trưởng Nội vụ): "NƠI GIÀN KHỔ NHẤT CỦA MIỀN ĐÔNG NAM BỘ..."

Tôi rất xúc động và xúc động được trở lại căn cứ Khu ủy miền Đông, nơi chúng tôi đã ở và chiến đấu trong thời kỳ từ năm 1960-1964. Nếu nói về căn cứ ở miền Đông Nam bộ thì đây đúng là nơi "rừng nuôi cách mạng, rừng vây quân thù". Từ năm 1951, trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ đã có những đảng viên cộng sản dùng nơi này làm căn cứ để chiến đấu. Khi bắt đầu cuộc kháng chiến Nam bộ, đây cũng là căn cứ chỉ huy miền Đông Nam bộ, Khu ủy miền Đông qua các thời kỳ, Bộ Tư lệnh các thời kỳ đều lấy chiến khu Đ làm nơi chỉ huy. Đây là nơi xuất phát các chỉ thị, mệnh lệnh cho toàn bộ cuộc kháng chiến ở Miền Đông Nam bộ. Nói đến chiến khu Đ cũng phải nói đến mối quan hệ mật thiết với chiến khu Dương Minh Châu, bên kia đường 13.

Trở về nơi đây, tôi nhớ lại cả một thời kỳ. Đó là giai đoạn sau khi nhân dân ta đồng khởi chống Mỹ và quân dân miền Đông đã chiến thắng ở Tua Hai, thành lập Liên tỉnh miền Đông, Khu ủy miền Đông, TW chỉ định tôi làm Bí thư Khu ủy. Sở dĩ tôi đến được căn cứ này là nhờ các đồng chí kháng chiến cũ đã ở lại sau khi Hiệp định Genève được ký kết. Lúc đó, TW Cục miền Nam đã để lại một số đồng chí quân sự, đặc biệt có đồng chí Tám Xuyên, một đồng chí tham gia kháng chiến trước CM tháng Tám. Đồng chí không những có tinh thần chiến đấu rất cao mà lại có kinh nghiệm về quân sự. Đồng chí đã cùng với nhiều đồng chí khác xây dựng căn cứ này ngay sau khi hiệp định Genève...

Chúng tôi đến đây, vừa chỉ đạo chiến đấu vừa tổ chức sản xuất để lấy lương thực, nếu không, thì không thể chiến đấu được, kế đó, là tiến hành xây dựng căn cứ, đào địa đạo... Muốn sống và chiến đấu ở đây thì phải đảm bảo về lương thực, có những lúc yêu cầu đảm bảo lương thực ngang với đảm bảo chiến đấu. "Miền Đông gian lao mà anh dũng" là truyền thống đầy tự hào. Nếu nói anh dũng thì cả nước anh dũng, nhưng gian lao thì chiến khu Đ này là gian khổ nhất của miền Đông Nam bộ, vì ở đây, không những chiến đấu hy sinh mà còn chết vì bệnh tật đói khát. Tôi đã chứng kiến có thời kỳ, Đảng bộ miền Đông đã phải cho một số cán bộ về miền Tây để hoạt động, chứ không thể sống và bám trụ ở đây được vì khó khăn gian khổ quá, nhất là sau trận bão lụt năm 1952.

Hôm nay, có được cuộc sống no đủ, chúng ta không thể nào quên những đồng bào đã sống và chiến đấu ở chiến khu Đ này. Có những gia đình mà tất cả đều chiến đấu và hy sinh vì sự nghiệp cách mạng rất cao cả. Có những đội quân tiếp tế đi dưới trời mưa xối xả, ăn một nắm cơm gạo lứt với muối, trên lưng đeo 30-40 kg lương thực. Phải nói rằng cuộc sống và chiến đấu những năm tháng ấy thật vô cùng gian nan, vất vả...

T.H(lược ghi)

"CHIẾN KHU Đ XỨNG ĐÁNG LÀ MỘT KHU DI TÍCH CÁCH MẠNG QUỐC GIẢ..."

(Trích phát biểu của đồng chí **Trần Thị Minh Hoàng**,
nguyên Ủy viên TW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy đọc tại buổi
mít tinh kỷ niệm 51 năm thành lập chiến khu Đ)

- Chiến khu Đ "căn cứ Việt Bắc của miền Nam"

Năm 1974, trong đánh giá về vị trí, tác dụng của vùng rừng núi miền Đông Nam bộ, đồng chí Lê Duẩn, cố Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam đã viết "Miền rừng núi Đông Nam bộ và Khu 6 đối với Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long có vị trí tương tự như khu căn cứ Việt Bắc đối với Hà Nội và đồng bằng Bắc bộ...".

Lật lại từng trang vàng lịch sử "Miền Đông gian lao mà anh dũng" với thực tiễn sinh động diễn biến trên địa bàn chiến khu Đ, chúng ta càng thấy sáng tỏ sâu sắc và toàn diện nhận định trên.

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam bộ, chấp hành nghiêm chỉnh tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng về việc xây dựng căn cứ địa kháng chiến, tại miền Đông, Xứ ủy, Ủy ban kháng chiến Nam bộ đã chỉ đạo tích cực xây dựng căn cứ địa, xây dựng lực lượng kháng chiến. Với ưu điểm về điều kiện địa hình, vốn mang sẵn những yếu tố có tính chất tiền đề cho việc xây dựng căn cứ, vùng rừng núi Tân Uyên đã dần dần trở thành một vùng căn cứ địa cách mạng. Tháng 11-1945, cơ quan quân sự Nam bộ, Ủy ban kháng chiến miền Đông đã đưa lực lượng về Lạc An, Tân Tịch. Tháng 12-1945, Khu 7 được thành lập. Ngày 20-2-1946, tại Lạc An, Hội nghị quân sự toàn Khu 7 được triệu tập, đã đi đến quyết định xây dựng căn cứ địa làm bàn đạp đứng chân cho các lực lượng, tạo thế tiến công kẻ thù, xây dựng lực lượng tại chỗ cho các lực lượng miền Đông, lấy Lạc An làm trung tâm căn cứ và chiến khu Đ đã chính thức ra đời kể từ ngày 20-2 lịch sử cách đây vừa tròn 51 năm về trước.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, chiến khu Đ nổi bật như là một trung tâm kháng chiến của toàn chiến trường miền Đông. Đó là nơi các lực lượng kháng chiến củng cố xây dựng và tích trữ lực lượng làm chỗ dựa cho cuộc kháng chiến lâu dài, là "chiến khu Việt Bắc" của miền Đông Nam bộ, là nơi có các cơ quan lãnh đạo kháng chiến, các tổ chức chính quyền và cơ quan chỉ huy quân sự thuộc nhiều huyện, tỉnh lân cận của Khu 7, Phần liên khu miền Đông và Nam bộ, trong đó thường xuyên nhất là tỉnh Biên Hòa, tỉnh Thủ Dầu Một, và Khu 7. Đây cũng là nơi xây dựng các đơn vị vũ trang tập trung các cấp, từ phân đội nhỏ lẻ buổi đầu kháng chiến đến các chi đội 1, chi đội 10, các trung đoàn 301, 310, các liên trung đoàn 301, 310, tiểu đoàn chủ lực 303, tiểu đoàn vận tải 320...

Đã có hàng ngàn chuyến giao thông liên lạc từ Trung ương đi qua đầu mối chiến khu Đ, để từ đó tỏa về các tỉnh. Nhiều cán bộ lãnh đạo của Đảng như đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Lê Đức Thọ... từ trung ương vào Nam bộ và ngược lại, đã đi an toàn qua chiến khu Đ. Từ giữa năm 1952 đến hết cuộc kháng chiến chống Pháp, nơi đây là đầu cầu của một đoạn đường vận tải chiến lược của tiểu đoàn 320 từ vùng giải phóng Bình Thuận Khu 5 vào Nam bộ, nối thông mạch máu cách mạng từ trung ương đến khắp các chiến trường miền Nam.

Chiến khu Đ còn là nơi xuất phát, là một bàn đạp lợi hại của LLVT trong tiến công kẻ thù. Không thể kể hết những trận đánh, chiến dịch vang dội mà lực lượng vũ trang miền Đông làm nên chiến thắng từ bàn đạp chiến khu Đ. Đó là trận tiến công thị xã Biên Hòa tháng giêng năm 1946, 1947, hàng loạt trận đánh giao thông trên chiến trường Biên Hòa, Thủ Dầu Một trong đó đáng kể nhất là trận Bàu Cá, Đồng Xoài năm 1947, trận La Ngà năm 1948 tiêu diệt hàng trăm lính viễn chinh, phá hỏng hàng chục xe cơ giới của địch gây chấn động cả nước Pháp. Đặc biệt chiến khu Đ cũng là nơi thử thách ác liệt, nơi thể hiện tinh thần chiến đấu, ý chí sắt đá, kiên trì kháng chiến của quân và dân ta. Trải qua hàng trăm cuộc càn quét đánh phá ác liệt, hàng chục đợt phong tỏa kinh tế của kẻ thù, rồi bão lụt năm 1952, trong hoàn cảnh bệnh tật, thiếu đói cực kỳ gian khổ nhưng cán bộ, chiến sĩ, nhân dân vẫn vững chắc tay súng; tay cày vừa chiến đấu, vừa sản xuất, động viên nhau vượt mọi trở lực, gian khổ không ngừng vươn lên chiến đấu và chiến thắng.

Kết thúc cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược, chiến khu Đ đã làm tròn vai

CHIẾN KHU Đ 55 NĂM CHIẾN ĐẤU & XÂY DỰNG



MIỀN ĐÔNG GIÀN LAO MÀ ANH DŨNG

trò của một vùng căn cứ cách mạng kiên cường, góp phần tạo nên truyền thống vẻ vang "Miền Đông gian lao mà anh dũng".

Trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước lâu dài gian khổ, chiến khu Đ đã không ngừng được xây dựng hoàn thiện và mở rộng về phía Bắc. Với những điều kiện thuận lợi sẵn có từ kháng chiến chống Pháp, chiến khu Đ, ngay từ đầu cuộc kháng chiến đã là nơi hội tụ của các lực lượng yêu nước, chống Mỹ-Diệm. Các lực lượng vũ trang cách mạng đã ra đời ở chiến khu Đ từ năm 1957. Từ chiến khu Đ, khu ủy đã chỉ đạo và huy động lực lượng vũ trang tiến công Tua Hai mở đầu phong trào Đông Khởi trong toàn miền Đông.

Từ đầu 1961, Trung ương Cục miền Nam chuyển về đứng chân ở căn cứ chiến khu Đ, Khu ủy miền Đông và quân khu các cơ quan Khu về đóng ở Suối Linh và các vùng phụ cận. Đảng ủy căn cứ chiến khu Đ được thành lập, mở đầu thời kỳ xây dựng và phát triển mới của chiến khu Đ. Chiến khu Đ trở thành địa bàn nổi tiếng liên lạc với trung ương qua đường Trường Sơn, tiếp nhận sự chi viện to lớn của hậu phương miền Bắc XHCN cho chiến trường miền Nam.

Chính tại chiến khu Đ các tiểu đoàn chủ lực của Miền, của Khu đã ra đời, sau phát triển lên thành trung đoàn Q761, Q762, trung đoàn 4 Đồng Nai rồi trở thành sư đoàn 9 Miền (lập tháng 9-1965). Về cuối cuộc chiến tranh tại Mã Đà ngày 20-7-1974, Quân đoàn 4 - Quân đoàn đầu tiên ở Nam bộ đã được thành lập, là lực lượng cơ động thực hiện các chiến dịch lớn như Phước Long, Xuân Lộc, đập tan tuyến phòng thủ cuối cùng của Mỹ - Thiệu ở phía Đông.

Chiến khu Đ là địa bàn đánh bộ binh Mỹ đầu tiên trên chiến trường miền Đông ngày 8-11-1965 ở Đất Cuốc, mở đầu phong trào đánh Mỹ toàn Miền. Chiến khu Đ đã góp phần to lớn đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của Mỹ (1965-1966-1967), là địa bàn tập kết để tiến công vào đầu não địch ở Sài Gòn, Biên Hòa trong cuộc tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968.

- "Chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất"

Mùa xuân 1975, từ chiến khu Đ (Hiếu Liêm), pháo ta đã bắn chế áp sân bay chiến lược Biên Hòa, hỗ trợ đặc lực cho các chiến trường bạn. Những chiếc phà qua Vĩnh An vượt sông Đồng Nai, những con đường mới mở, những đoàn xe tải lương, vũ khí từ hậu phương chiến khu Đ đã tạo thế và lực để lực lượng vũ trang cách mạng mở các đợt tiến công mới trong mùa Xuân 1975, góp phần giải phóng Biên Hòa, Sài Gòn và cả miền Nam.

Nhìn xuyên suốt, khái quát tiến trình của chiến khu Đ ta có thể nói: Chiến khu Đ chính là căn cứ, hậu phương lớn của các lực lượng kháng chiến miền Đông. Chiến khu Đ đã gắn liền với "hào khí Đồng Nai", nơi đào tạo, rèn luyện các lớp cán bộ chiến sĩ trung kiên với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Cán bộ chiến sĩ miền Đông là hoa của đất căn cứ địa chiến khu Đ.

Nói đến chiến khu Đ chính là nói đến truyền thống trung thành, gắn bó một lòng với cách mạng của đồng bào dân tộc Stiêng, Choro, trong muôn vàn gian khổ, tưởng không vượt được, vẫn một lòng bám rừng, thủy chung, ủng hộ, giúp đỡ kháng chiến. Nói đến chiến khu Đ tức là nói đến tinh thần hy sinh, tận tụy với sự nghiệp giải phóng dân tộc của bao thế hệ cán bộ, chiến sĩ đi trước. Nói đến chiến khu Đ tức nói đến sự chi viện to lớn của trung ương từ hậu phương miền Bắc, thế liên hoàn giữa chiến khu Đ với chiến khu Dương Minh Châu, vùng căn cứ Long Nguyễn Bến Cát, vùng căn cứ Hắc Dịch, Xuyên Mộc, Bà Rịa và sự ủng hộ to lớn của đồng bào yêu nước từ các vùng địch tạm chiếm.

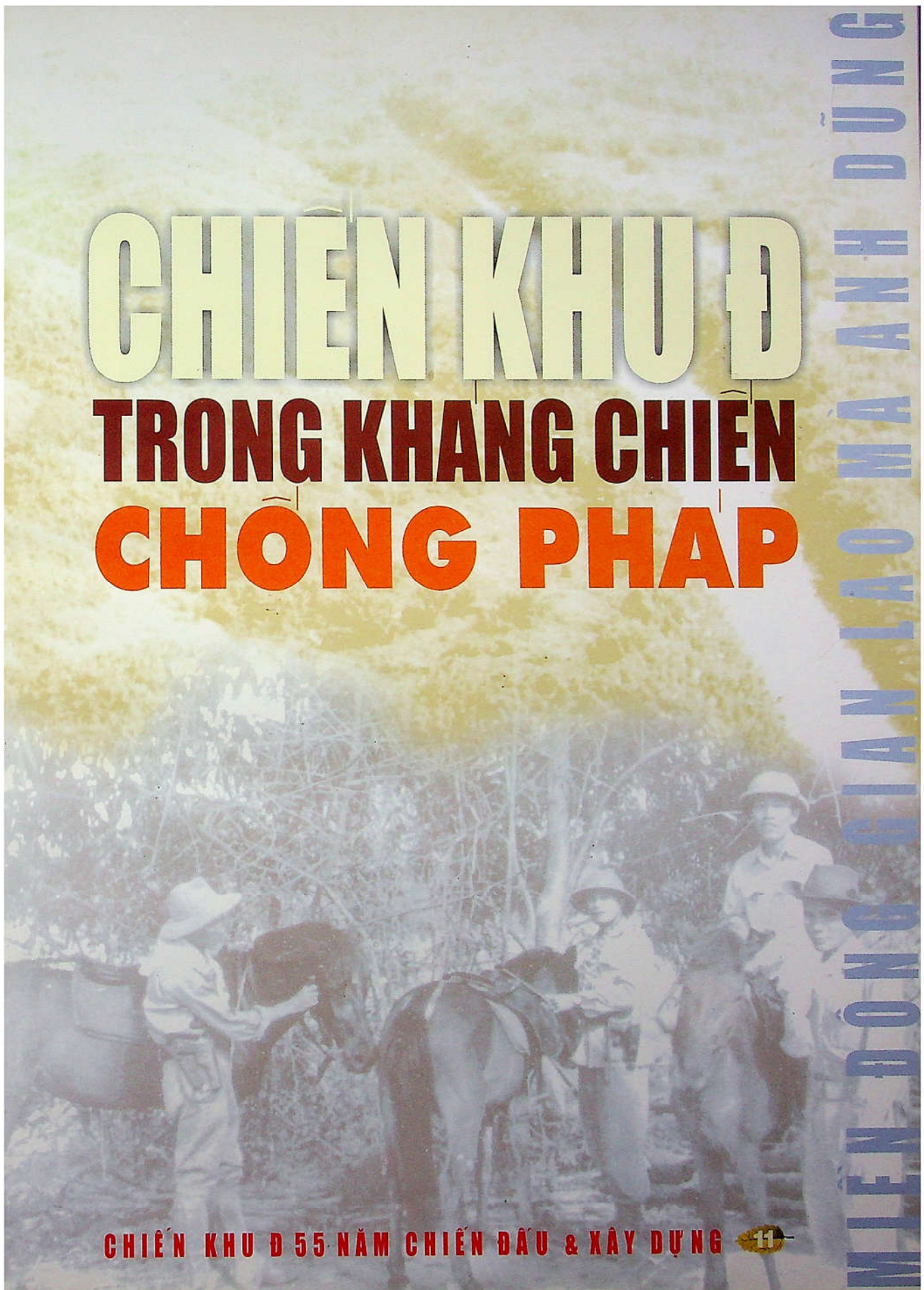
Với những truyền thống đó, chiến khu Đ anh hùng xứng đáng trở thành một di tích cách mạng quốc gia; một quần thể văn hóa truyền thống cách mạng; nơi tưởng niệm cán bộ, chiến sĩ, đồng bào khắp các miền đất nước đã chiến đấu và hy sinh anh dũng tại căn cứ chiến khu Đ qua hai cuộc kháng chiến vì độc lập, tự do của dân tộc. Đó cũng là một mô hình giáo dục sinh động về lòng yêu nước, truyền thống cách mạng vẻ vang của ông cha cho các thế hệ mai sau.

Ngày nay, một phần đất của chiến khu Đ nằm trên địa bàn các lâm trường Mã Đà, Hiếu Liêm, Vĩnh An thuộc tỉnh Đồng Nai đang từng bước thay da đổi thịt. Chúng ta đang phấn đấu phủ xanh lại chiến khu Đ xưa, kết hợp việc xây dựng kinh tế, cùng với nhiệm vụ an ninh quốc phòng, chăm sóc đời sống cán bộ công nhân viên lâm trường, nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa cho đồng bào dân tộc sống trong chiến khu Đ. Đó cũng là một cách cụ thể thực hiện chính sách xã hội của Đảng, đạo lý dân tộc "Uống nước nhớ nguồn", "Ăn trái nhớ người trồng cây".

Chúng ta tin tưởng rằng với sự hỗ trợ của trung ương, của các tỉnh miền Đông Nam bộ, sự ủng hộ và góp sức nhiệt tình của các đồng chí cách mạng lão thành, cán bộ, chiến sĩ, nhân dân đã từng sống, chiến đấu ở chiến khu Đ, việc xây dựng bảo tồn di tích chiến khu Đ và khu lưu niệm chiến khu Đ sẽ sớm đi vào hoạt động, góp phần gìn giữ những di sản văn hóa truyền thống của "miền Đông gian lao mà anh dũng".

CHIẾN KHU Đ TRONG KHANG CHIẾN CHỐNG PHÁP

MIỀN ĐÔNG DIAN LAO MA ANH DŨNG



CHIẾN KHU Đ 55 NĂM CHIẾN ĐẤU & XÂY DỰNG 41



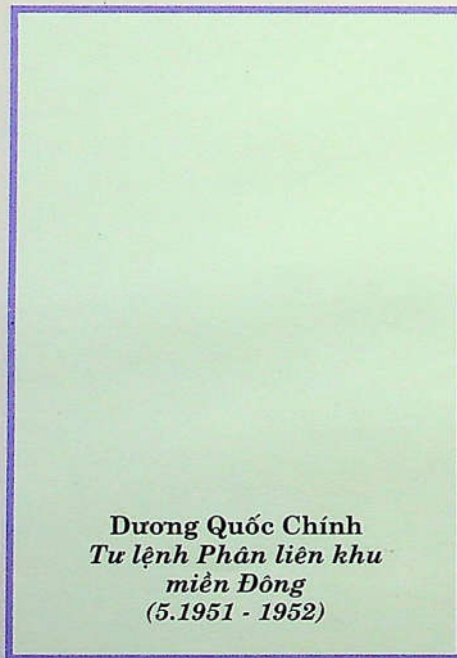
Nguyễn Bình
Tu lệnh quân khu 7
(12.1945 - 6.1948)



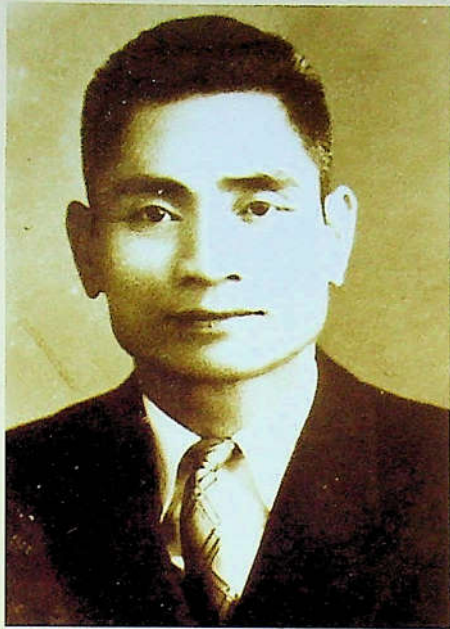
Huỳnh Văn Nghệ
Tu lệnh quân khu 7
(12.1948 - 8.1950)



Trần Văn Trà
- Tu lệnh quân khu 7
(8.1950 - 5.1951)
- Tu lệnh Phân liên khu miền Đông
(1953 - 8.1954)
- Chính ủy khu 7 (6.1976 - 5.1951)
- Tu lệnh quân khu 7
(6.1976 - 6.1978)
- Chính ủy, phó Tu lệnh chính trị
(6.1976 - 6.1978)



Dương Quốc Chính
Tu lệnh Phân liên khu
miền Đông
(5.1951 - 1952)



Trần Xuân Độ
Chính ủy khu 7
(12.1945 - 5.1946)



Nguyễn Văn Trí
Chính ủy khu 7
(1946 - 9.1949)



Phan Trọng Tuệ
Chính ủy Phân liên khu miền Đông
(4.1945 - 11.1952)



Lê Duẩn
Chính ủy Phân liên khu miền Đông
(4.1951 - 11.1952)



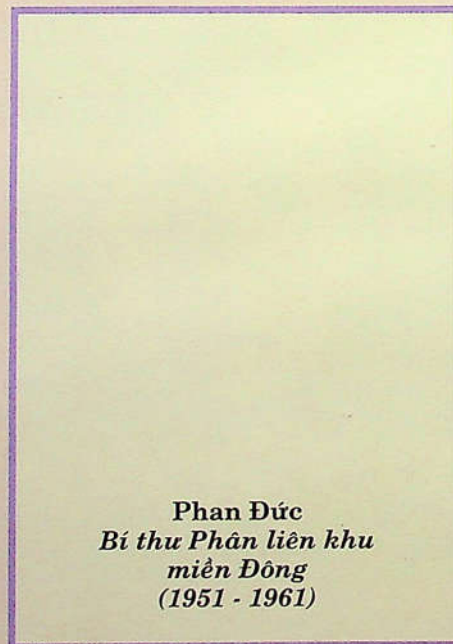
Phạm Hùng
- Chính ủy Liên khu miền Đông
(11.1952 - 8.1954)
- Bí thư Phân liên khu miền Đông
(5.1951 - 7.1954)



Hoàng Dư Khương
Bí thư khu 7
(9.1945 - 4.1946)



Nguyễn Đức Thuận
- Bí thư khu 7
(4.1946 - 1951)



Phan Đức
Bí thư Phân liên khu
miền Đông
(1951 - 1961)



Rừng chiến khu Đ.



Trận Bào Chánh, 19.5.1947.



Đánh đường xe lửa Gia Huỳnh - Trảng Táo tháng 6.1947.



Đánh trận Bàu Cá, 14.7.1947.



Sau trận đánh Bầu Cá 14.07.1947.

XBP/2002/VI 15409

Đou / AC / SL 000849

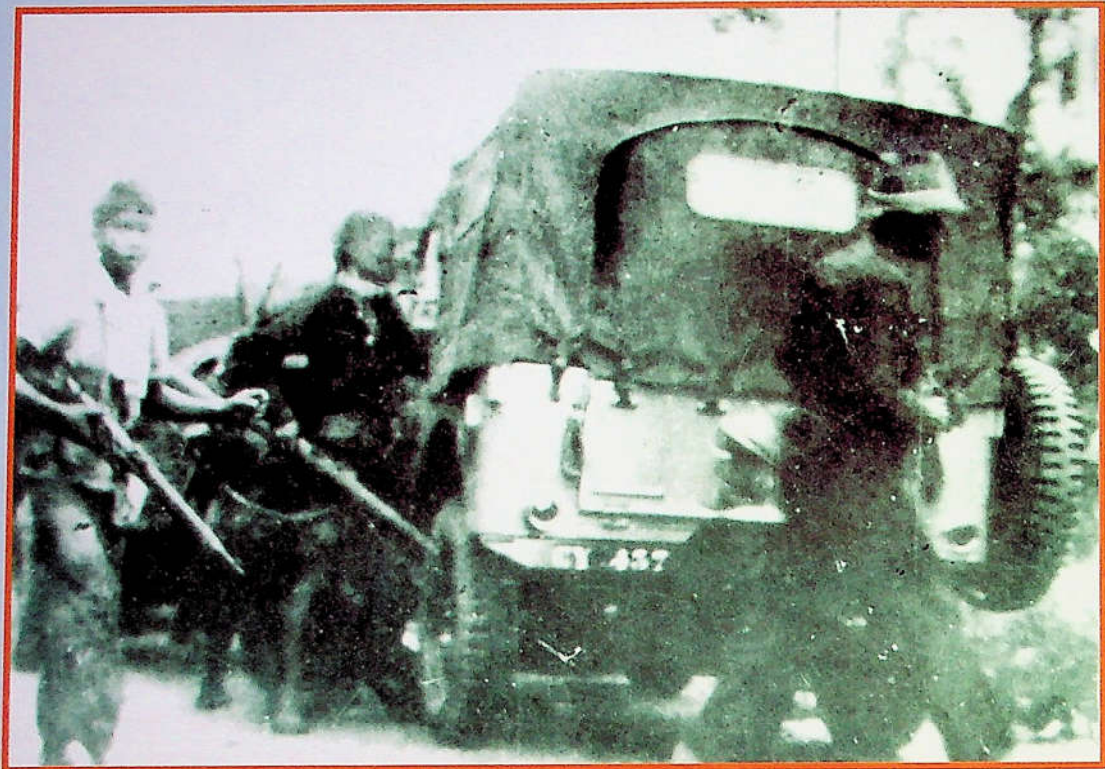
THƯ VIỆN T. ĐỒNG NAI
KẾ ĐΙΑ PHƯƠNG



Trận đánh Đồng Xoài 19.12.1947.

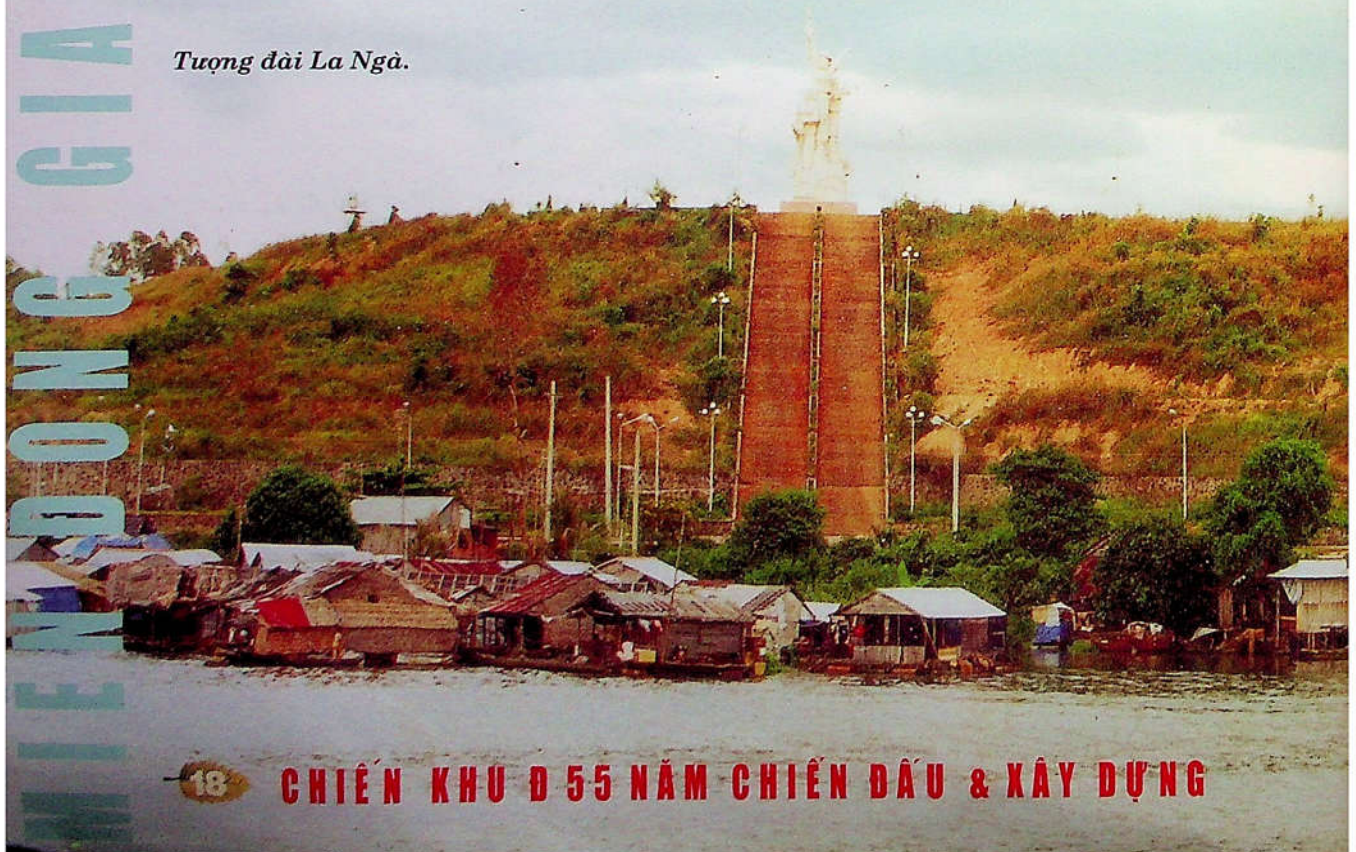
THƯ VIỆN
T. ĐỒNG NAI
ĐỒNG NAI

MIỀN ĐÔNG GIANG LAO MA ANH DŨNG



Chiến thắng La Ngà, 01.3.1948.

Tượng đài La Ngà.





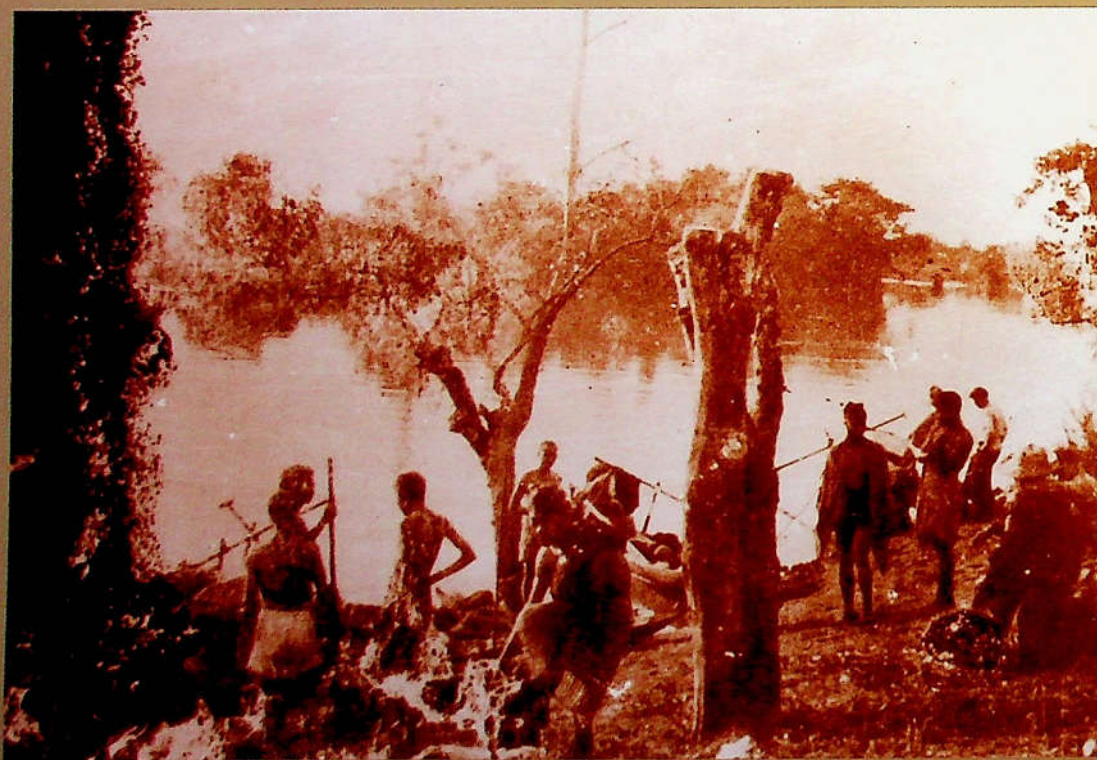
Lễ thụ phong trung tướng của đ/c Nguyễn Bình tổ chức tại Đồng Tháp Mười năm 1948.



*Từ trái sang:
Đ/c Lê Duẩn, Ung Văn Khiêm, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Phan Trọng Tuệ,
Phan Văn Kinh tại chiến khu Đồng Tháp Mười.*



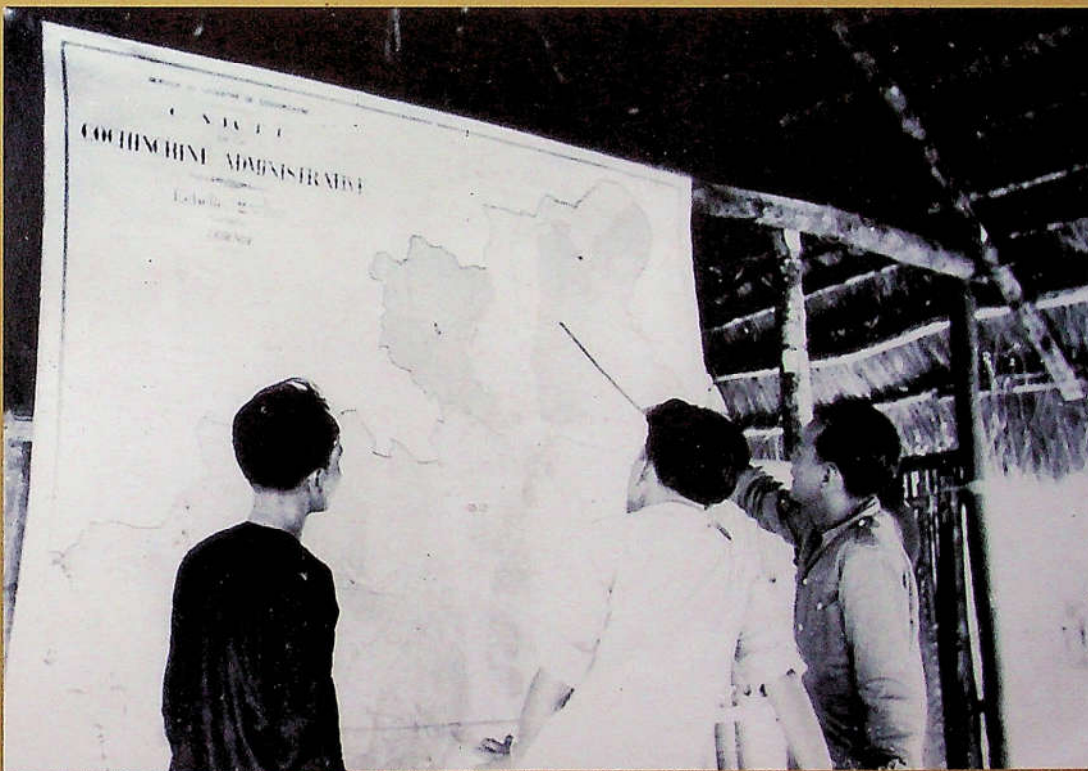
Di tích Đất Cuốc - trường huấn luyện du kích tỉnh Biên Hòa.



Bộ đội khu 7 chuẩn bị qua sông, 1949.



Đ/c Tô Ký, Phan Trọng Tuệ trên đường đi công tác tại khu 7.



Đ/c Huỳnh Văn Nghệ và đ/c Phan Trọng Tuệ họp bàn kế hoạch tác chiến, 1949.



Đ/c Huỳnh Văn Nghệ và đ/c Phan Trọng Tuê đi công tác ở chiến khu Đ.



Chiến khu Đất Cước ở khu 7, 1949.



Đại biểu dự đại hội khu ủy khu 7, họp ở Biên Hòa, trong hàng rào chống cọp.



Bộ tư lệnh khu Sài Gòn - Chợ Lớn và cá đ/c Khu ủy khu 7, 1949 từ trái sang:
- Đ/c Khuong - Bí thư Khu ủy khu 7; - đ/c Xứng - Trưởng phòng chính trị;
- đ/c Một - Phó trưởng phòng chính trị; - đ/c Tô Ký - Tư lệnh khu Sài Gòn-Chợ Lớn;
- đ/c Phan Trọng Tuệ - Khu ủy khu Sài Gòn-Chợ Lớn.



Họp mặt vệ quốc đoàn Biên Hòa trong hàng rào chống cọp.



Khu ủy khu 7 họp trong hàng rào chống cọp 3 móng ở Đất Cước, năm 1949.



Dân tộc thiểu số dự Hội nghị Khu ủy khu 7 ở Biên Hòa năm 1949.



Gặp gỡ đồng bào thiểu số dự Hội nghị Khu ủy khu 7, 1949.

MIỀN BẮC
ĐÔNG
GIANG
LAO
MÀ ANH
DỪNG



Đồng bào và cán bộ ở Đất Cuốc, 1949.



Đ/c Tô Kỳ và đ/c Phan Trọng Tuệ đi công tác tại khu 7, 1949.



Khu ủy khu 7 hạp Mặt trận Việt Minh ở vùng thiểu số ở chiến khu Đ, 1949.



Một buổi diễn thuyết về toàn quốc kháng chiến tại chiến khu Đ.



Lễ duyệt binh nhân ngày kỷ niệm ngày Nam kỳ khởi nghĩa tại khu 7, 1949.



*Độc Huynh Văn Nghệ
gọi điện thoại trong
chỉ huy sở Bộ tư lệnh
khu 7 năm 1949.*



Nghiên cứu sa bàn đánh trận Tân Uyên, 1949.



Bộ đội khu 7 vượt Sông Bé, 1949.



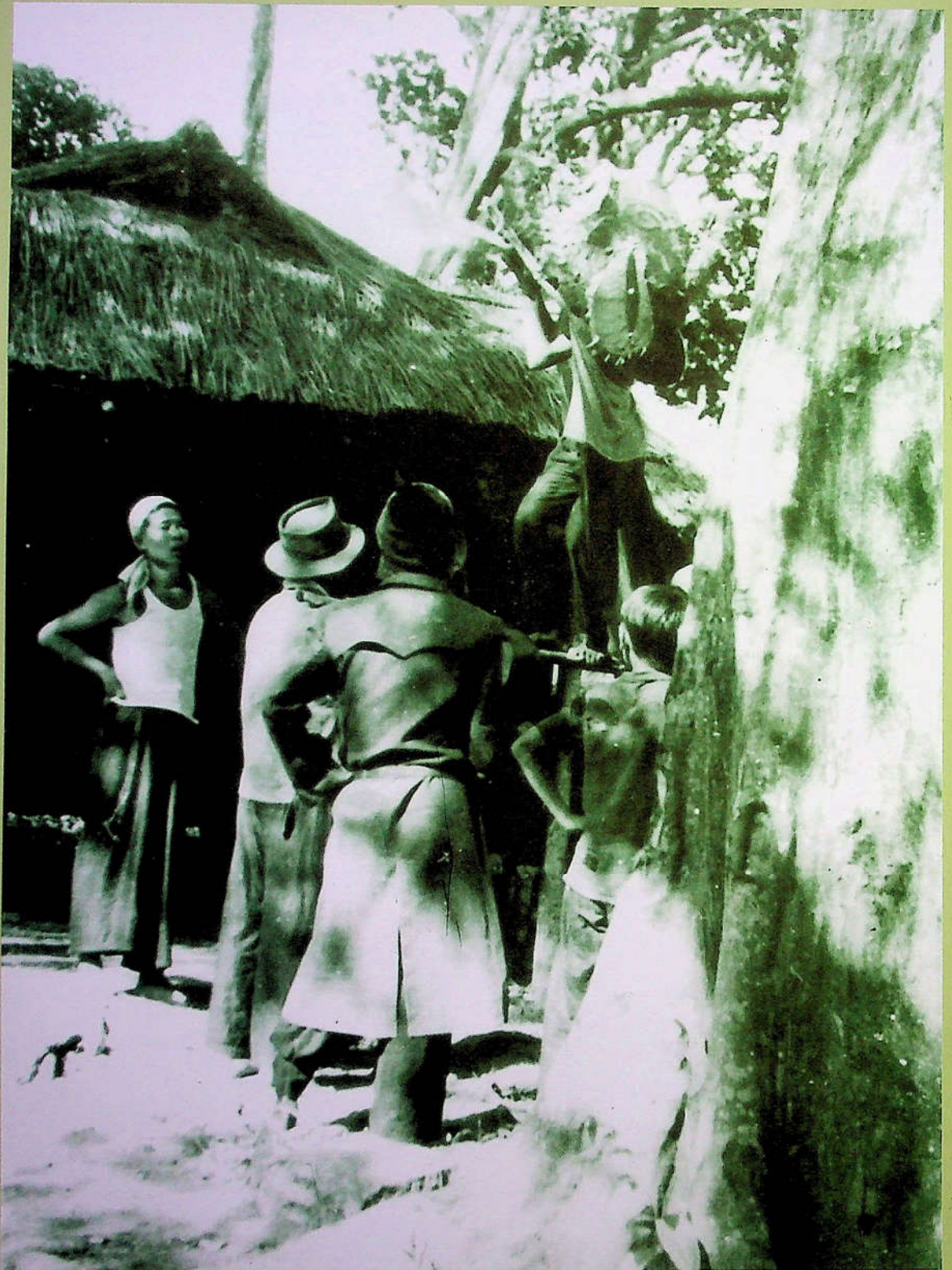
*Văn phòng
Bộ tư lệnh
khu Sài Gòn-
Chợ Lớn ở
khu 7, 1949.*



Lớp học cứu thương Quân y viện khu 7, tại chiến khu Đ.



Triển lãm trong chiến khu Đ.



Múa lân nhân ngày Quốc khánh 2.9.1949 ở khu 7.



Đội bóng chuyên Bộ tư lệnh khu 7 đấu với đội phòng Tham mưu, năm 1949



Binh công xưởng chi đội 10 Biên Hòa.



Mặt trận Việt Minh khu 7, 1949.



Các đ/c Khu ủy khu 7 chụp ảnh lưu niệm tại văn phòng Khu ủy.



Đồng bào thiếu số dự Hội nghị Khu ủy khu 7 năm 1949 tại chiến khu Đ.



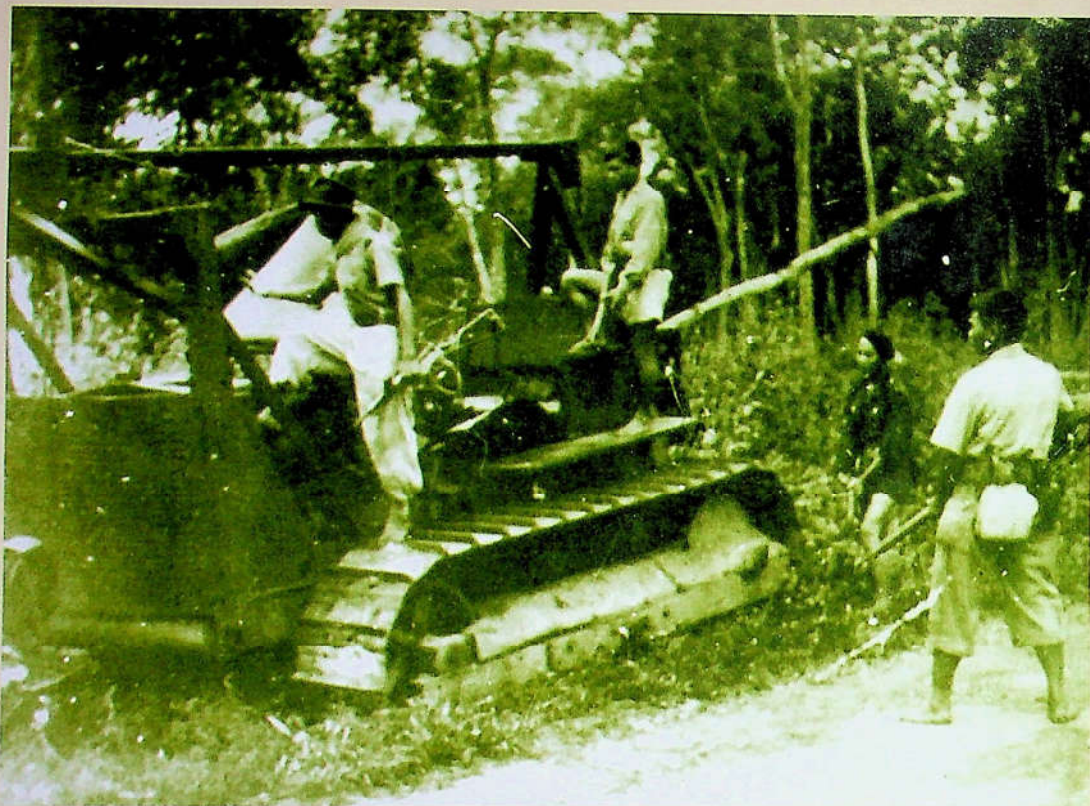
C902 trước giờ xuất phát trong chiến dịch Bến Cát, 1950.



Diệt cọng 3 móng, 1950.



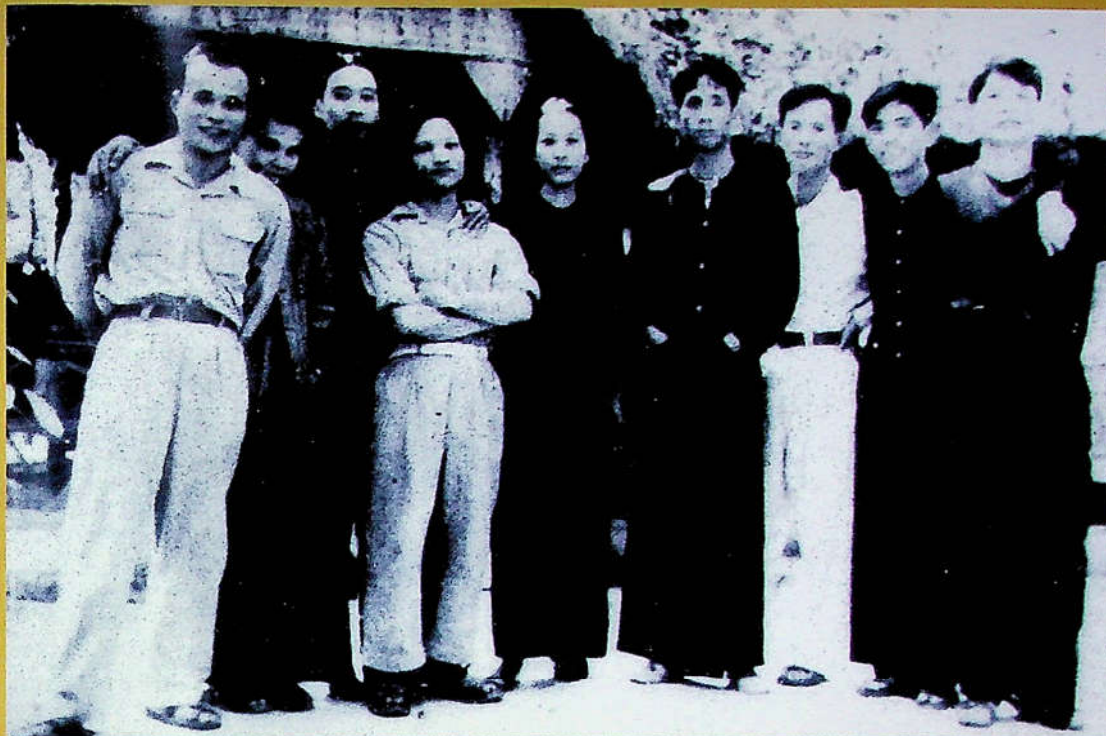
Bộ đội địa phương Thủ Dầu Một.



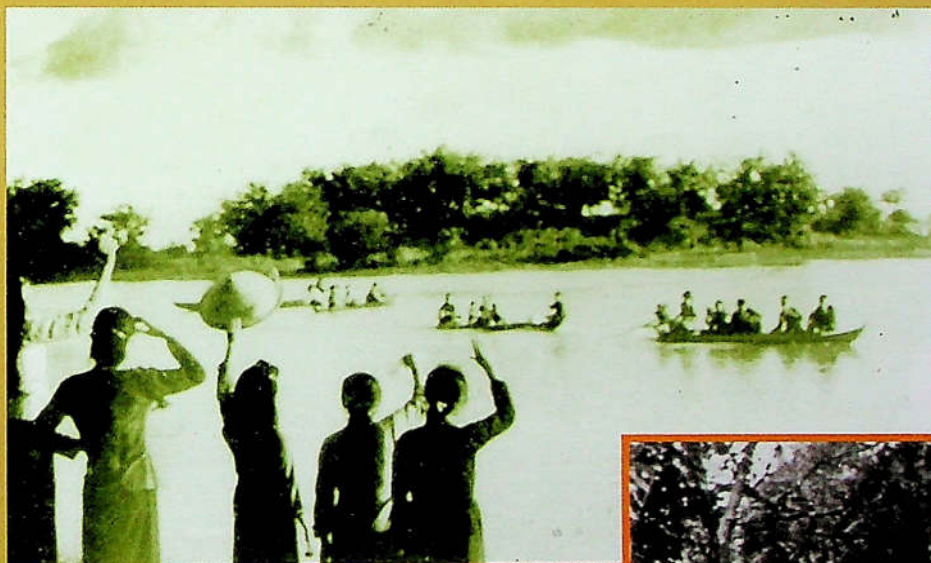
Tiểu đoàn 303 tiêu diệt xe bọc thép trên đường 13.



TW cục Miền Nam mở hội nghị toàn miền tổ chức lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1952.



Đ/c Lê Duẩn và đ/c Nguyễn Văn Linh tiếp đoàn thanh tra Bộ quốc phòng năm 1952.



Đồng bào Miền đông đưa tiễn con em lên đường tập kết.

Bộ đội miền Đông Nam Bộ hành quân đến Xuyên Mộc để tập kết ra Bắc.

